

Cảm nhận và bình luận từ những số liệu khảo sát xã hội học về phân tầng xã hội

ĐỀ TÀI KX - 04-02

Nếu phân tầng xã hội là hiện tượng mang tính quy luật của kinh tế thị trường, thì điều mà chúng tôi đi sâu phân tích không phải là có hay không có sự phân tầng ấy, mà vấn đề lại là *sự phân tầng xã hội đang diễn ra như thế nào, nó có tác dụng tiêu cực hay tích cực đến sự phát triển. Tác dụng tiêu cực, rõ ràng là có, song như đã nói ở trên, chủ đề của cuộc khảo sát xã hội học lần này chưa tập trung vào đó, mà hướng tập trung tìm hiểu là mặt tích cực của nó: phân tầng xã hội đang diễn ra ngay trong giai đoạn đầu của quá trình chuyển sang cơ chế thị trường của nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần có tạo ra động lực của sự phát triển không, mà nếu có, thì động lực ấy được tạo ra như thế nào.* Còn mặt trái của tấm huân chương luôn luôn rên tại với chính biểu trưng chính diện của nó, điều ấy chỉ được nhắc đến trong những đối sánh cần thiết nhất ở bài viết này.

1. Những đường nét của các mô hình phát triển

Mười năm của công cuộc Đổi Mới được khởi động và triển khai chỉ là khoảnh khắc trong lịch sử của dân tộc. ấy thế nhưng, khoảnh khắc ấy thật có ý nghĩa nếu chúng ta đặt nó vào trong thời điểm của sự ghi nhận thành tựu của sự nghiệp 20 năm xây dựng lại đất nước kể từ ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Bằng những thành tựu đã đạt được trong 20 năm, đặc biệt là trong 10 năm Đổi Mới, đất nước ta đang quyết tâm từng bước công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Ở đây chúng tôi không bàn đến nội dung của công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Chúng tôi chỉ muốn từ hướng tiếp cận xã hội học, tìm hiểu mô hình phát triển và mặt xã hội, đặc biệt là chiều hướng phân tầng của xã hội hiện đại.

Đặc trưng nổi bật của mô hình phát triển của xã hội hiện đại nhìn từ góc độ xã hội học thì đó là sự phát triển mạnh của tầng lớp trung lưu, sự thu nhỏ lại càng ít bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu tầng lớp nghèo khổ. Nếu diễn đạt bằng sơ đồ, người ta hay nghĩ đến mô hình quả trứng: hai đầu thu rất nhỏ lại, ở giữa phình rộng ra. Sơ đồ này sẽ có nét khác biệt rất căn bản với mô hình của xã hội ở những

nước chậm phát triển và đang phát triển, đáy phình rộng ra và thu nhỏ lại dần lên đỉnh thành một hình tháp.

Nét khái quát phổ biến ấy được vận dụng để xem xét vào các biểu đồ về phân tầng thu nhập, và qua sự phân tầng thu nhập ấy mà đi sâu vào các chiều cạnh khác nhau của diện mạo phân tầng.

1.1 Nhìn tháp phân tầng thu nhập, thấy rất rõ mô hình của khu vực nông thôn so với đô thị có sự khác biệt rõ nét. Đáy tháp rộng ra, tỷ lệ nghèo và rất nghèo chiếm vị trí lớn, so với đi dần lên trung bình và giàu teo lại ở đỉnh. *Chậm phát triển nhất là nông thôn Hải Hưng*, nếu đối sánh với nông thôn Cần Thơ đã khá nổi bật về sự khác biệt. Nông thôn Quảng Nam - Đà Nẵng, một vùng phát triển vào loại khá nhất ở duyên hải miền Trung, cũng chỉ nằm ở quãng giữa.

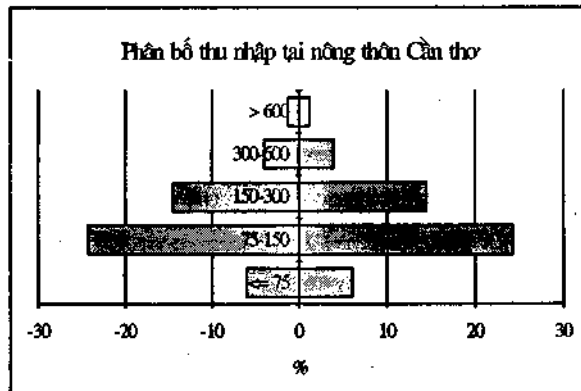
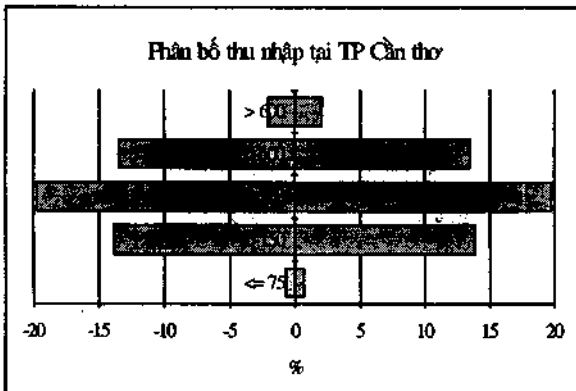
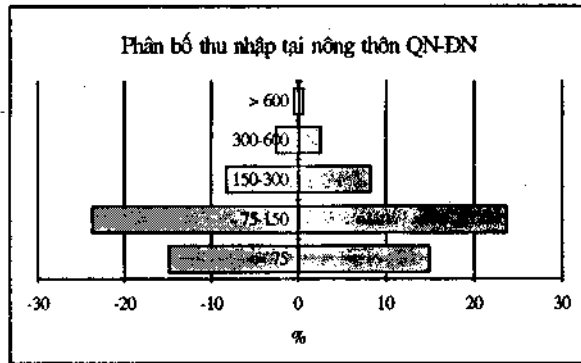
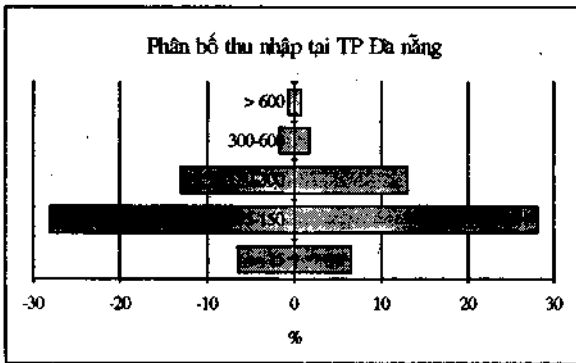
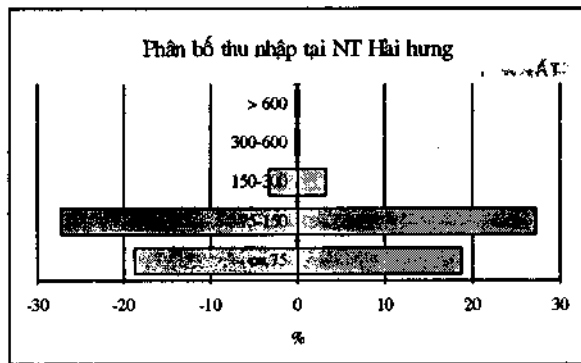
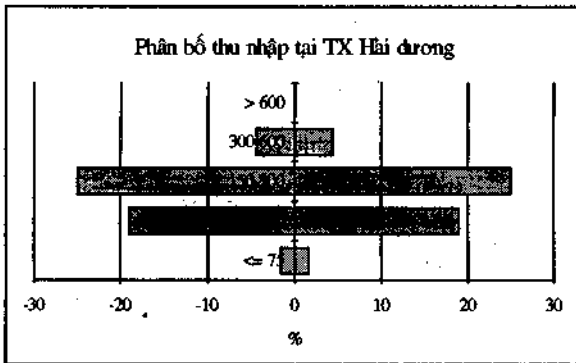
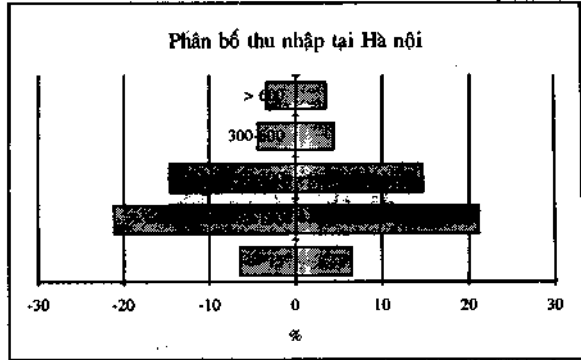
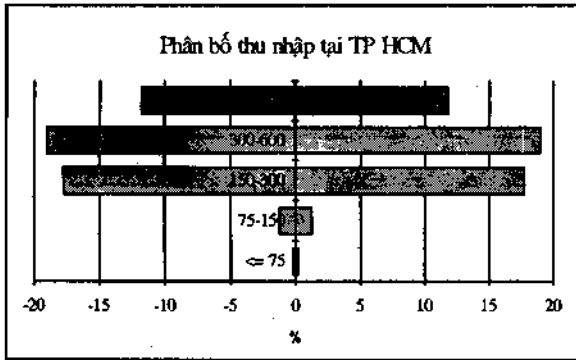
Cần lưu ý rằng, với nông thôn miền Bắc nói chung và vùng đồng bằng sông Hồng nói riêng, *Hải Hưng là một tỉnh có những lợi thế so sánh*. Đó là tỉnh lớn nhất của đồng bằng sông Hồng, nằm trong trục tam giác Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, *có những lợi ích từ sự phát triển của vùng trọng điểm* phát triển này. Tuyến đường sắt Hà Nội - Hải Phòng chạy xuyên suốt qua tỉnh Hải Hưng, lại có cảng sông tại Công Cầu bốc dỡ hàng năm khoảng 350 nghìn tấn. Nghề trồng lúa ở Hải Hưng có ưu thế hơn cả, *năng suất cao hơn năng suất của các tỉnh đồng bằng*, so với Nam Hà và Thái Bình, Hải Hưng là một trong ba tỉnh có nền sản xuất nông nghiệp lớn nhất ở đồng bằng sông Hồng. Hơn 90% đất trồng trọt dùng để sản xuất thóc, các loại rau, đậu và cây ăn quả như vải nhãn có nhang thu nhập đáng kể. Chăn nuôi lợn có số lượng lớn nhất trong vùng đồng bằng. [Tuy nhiên cũng cần kể ra đây một số yếu kém so với nhiều tỉnh khác: đường bộ rất xấu và cơ sở hạ tầng của các vùng đô thị kém, điện khí hóa ở mức độ thấp ngay cả thị xã, tổn thất chuyển tải cao trên đường dây có diện áp thấp, thiết bị ca và lỗi thời trong các xí nghiệp công nghiệp, tiêu thoát nước chậm, ở nhiều công trình tưới hạ tầng và thoát nước tòi khoảng trên 30.000 ha và nói chung là thiếu vốn đầu tư mới].

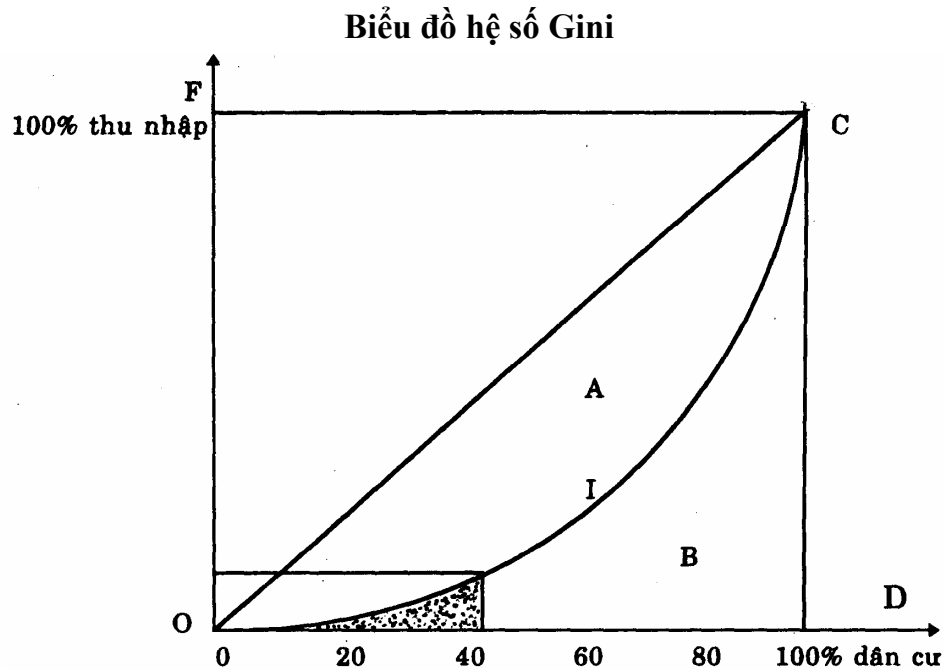
Hải Hưng chiếm tỷ lệ số hộ gia đình đông nhất so với toàn vùng đồng bằng: 577.450 hộ [Nam Hà: 534.630 và Thái Bình 394.938 hộ], với GDP tính theo đầu người năm 1993 là 124 USD [Nam Hà: 127 USD và Thái Bình 117 USD]. Năng suất lúa trung bình từ 1988 đến 1992 là 3.441 kg/ha vụ lúa xuân [Nam Hà: 3.640 kg/ha, Thái Bình: 4.430 kg/ha] và 3.420 kg/ha vụ hè [Nam Hà: 3.440 kg/ha và Thái Bình: 4.230 kg/ha]¹

Nêu lên vài số liệu của Hải Hưng để càng làm nổi bật lên một nhận xét: mặc dầu thế, trong biểu đồ tháp phân tầng, Hải Hưng vẫn là vùng chậm phát triển nhất. Và nếu Hải Hưng đã vậy thì vùng đồng bằng sông Hồng nói chung sẽ thế nào, và vùng Trung du và tiếp đó vùng núi phía Bắc sẽ ra sao nếu mô hình hóa qua biểu đồ tháp phân tầng về thu nhập. Chúng tôi sẽ phân tích kỹ hơn khi trình bày riêng về nông thôn ở dưới.

¹ Theo “Dự án quy hoạch tổng thể đồng bằng sông Hồng”. Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường, UNDP, World Bank.

Tháp phân tầng thu nhập





Trục tung OF: Tổng tỷ lệ thu nhập của dân cư

Trục hoành OD: Tổng tỷ lệ dân cư có thu nhập đó

Đường cong OIC: có tên là đường cong LoTenz.

Đường thẳng OC cho thấy: Nếu phân phối thu nhập rất đều trong dân cư thì sẽ diễn ra tình hình: Nếu ít dân thì thu nhập ít, nếu nhiều dân thì thu nhập nhiều, tỷ lệ thuận với hệ số tỷ lệ là 1. Khi phân phối thu nhập không đều, nếu biểu thị dân cư theo thu nhập tăng dần thì khi tỷ lệ dân số tăng theo đường cong OIC, ta sẽ thấy: phân phối thu nhập càng không đều thì động cong Lorenz càng võng xuống sát với trục hoành OD.

Nếu biểu thị bằng hình học thì ta sẽ thấy: mức độ cách gần hay xa của đường cong Lorenz khỏi đường thẳng OC sẽ làm cho diện tích A nằm tiếp giữa đường thẳng OC và đường cong OIC giảm hay tăng biểu thị mức độ phân phối thu nhập không đồng đều ít hay nhiều.

Theo cách thể hiện này thì hệ số Gian chính là tỷ lệ giữa diện tích A và tổng diện tích của A và B là diện tích của mặt phẳng nằm trong tam giác cong OICDO:

$$\text{Gini} = \frac{A}{A + B}$$

chính vì thế, người ta qui ước rằng, nếu hệ số Gini = 0 thì phân phối là đồng đều, nếu hệ số Gini > 0 thì sẽ có sự phân hóa không đồng đều trong thu nhập, Gini càng tới gần 1 thì mức độ phân hóa ngày càng cao.

Nếu so sánh nhóm đáy và nhóm gần đỉnh và đỉnh của nông thôn Cần Thơ và nông thôn Hải Hưng, ta sẽ nhận ra được mô hình phát triển của những vùng nông thôn khác nhau dưới tác động của quá trình và nhịp độ chuyển sang kinh tế thị trường: đáy nghèo khổ [dưới 75.000 đ] của Cần Thơ co hẹp lại, diện trung bình

mở rộng ra và nhóm đỉnh [300.000 đ và 600.000 đ và > 600.000 đ] phát triển hơn Hải Hưng rất nhiều.

Nếu so sánh đơn thuần giữa đô thị và nông thôn, nghĩa là giữa vùng đã phát triển [tương đối] so với vùng đang chậm phát triển [tương đối] đã có mô hình tháp phân tầng thu nhập khác nhau. Và nếu tính hệ số Gini thì luôn luôn hệ số Gini ở nông thôn cao hơn đô thị trong so sánh tương ứng ở một tỉnh.

Chúng tôi đã tính hệ số Gini của từng vùng đô thị nông thôn trong cùng một tỉnh, thấy rõ như sau:

	<u>Đô thị</u>	<u>Nông thôn</u>
Hải Hưng	0.249	0.266
Quảng Nam - Đà Nẵng	0.291	0.372
Cần Thơ	0.321	0.368

Như vậy cũng có nghĩa là, cuộc vận động xóa đói giảm nghèo là tuyệt đối cần thiết. Song, giải pháp xóa đói giảm nghèo tích cực nhất, thu hẹp sự bất bình đẳng xã hội hữu hiệu nhất là *đẩy mạnh tốc độ phát triển*.

Tỷ lệ bất bình đẳng ở nông thôn cao hơn đô thị đều lặp lại ở cả ba điểm khảo sát cho ba vùng tiêu biểu đã xóa đi một cảm nhận vốn đã hình thành trong nhiều người: dường như ở đô thị, do khoảng cách giàu nghèo dễ trông thấy bằng mắt trong cuộc sống hàng ngày, độ bất bình đẳng nhất định cao hơn ở nông thôn, nơi mà tính đồng đều trong thu nhập thường thấy rất phổ biến. Kết quả xử lý số liệu một cách khách quan cho thấy *cần có nhận định ngược lại*.

Càng chậm phát triển, độ bất bình đẳng xã hội càng cao hơn. Và, không phải là cứ đẩy mạnh kinh tế thị trường phát triển mạnh lên tức là đẩy hệ số Gini cao lên. Có thể thấy ngay điều này nếu xem xét hệ số Gini của thành phố Hồ Chí Minh và của thành phố Hà Nội.

Phải thừa nhận rằng, thành phố Hồ Chí Minh có tốc độ phát triển kinh tế thị trường cao hơn Hà Nội bởi nhiều lẽ, nhưng chính hệ số Gini của Hà Nội lại cao hơn so với thành phố Hồ Chí Minh.

Hệ số Gini của Hà Nội: 0.438

Hệ số Gini của thành phố Hồ Chí Minh: 0.351

1.2 Nếu quan sát kế biểu đồ mô hình tháp phân vùng thu nhập của 5 thành phố được chọn để khảo sát. Sẽ thấy rõ thành phố Hồ Chí Minh gần với mô hình xã hội mang tính hiện đại hơn cả: đáy nghèo khổ thu nhỏ lại, lớp trung bình khá và khế mở rất rộng, lớp rất giàu thu hẹp lại nhưng cũng chiếm một tỷ lệ không quá nhỏ. Có thể nói, nếu nhìn khái quát, da có bóng dáng dạng mô hình phát triển theo hình quả trứng. Kế tiếp theo thành phố Hồ Chí Minh là thành phố Cần Thơ, tuy không đạt được độ phình rộng ra của nhóm khá giả [từ 300.000 đ đến 600.000 đ/người/ tháng] như ở thành phố Hồ Chí Minh với độ mở rộng lớn nhất, Cần Thơ tỷ lệ nhóm này vẫn thấp hơn tỷ lệ trung bình [150.000 đ đến 300.000 đ/người/

tháng] nhưng nhìn chung, đáy đã thu rất hẹp lại [diện nghèo khổ: 75.000 đ/người/ tháng].

Nếu so sánh biểu đồ mô hình tháp phân tầng thu nhập của Hà Nội với thành phố Hồ Chí Minh lại càng thấy sự khác biệt rõ rệt:

Ở Hà Nội, tầng lớp nghèo khổ và nghèo vẫn chiếm tỷ lệ cao, đặc biệt đáy nghèo [75.000. đ đến 150.000 đ/người/tháng] phình ra rất rộng, và càng lên trên càng thu hẹp dần lại theo hình tháp rất rõ. Còn ở thành phố Hồ Chí Minh, cũng hình tháp ấy có thể xoay ngược lại sẽ gần giống với mô hình tháp của Hà Nội.

Đi vào chi tiết nếu tính theo thu nhập tuyệt đối của từng hộ trong tương quan so sánh thì lại thấy có một hiện tượng đặc biệt: thu nhập trung bình của tầng lớp giàu nhất của Hà Nội ngay từ năm 1992 đã cao hơn thu nhập trung bình của tầng lớp này ở thành phố Hồ Chí Minh: 1.084.000 đ/người/ tháng so với 991.000 đ/người/ tháng.

Nhưng, nếu tính theo 5 dải phân cách đều 20% một dải, thì sẽ có kết quả như sau: tính theo bất cứ sự tăng trưởng nào thì thu nhập của các dải phân tầng ấy, ở thành phố Hồ Chí Minh đều cao hơn Hà Nội rất nhiều.

Đi vào chi tiết hơn. có thể thấy rằng, thu nhập của nhóm thấp nhất ở thành phố Hồ Chí Minh cao hơn khoảng 2,5 lần so với cùng nhóm ấy ở Hà Nội trong khi tương quan giữa hai nhóm cao nhất tại đó chỉ xấp xỉ khoảng 1,5 lần.

Nếu so sánh tương quan giữa thành phố phát triển nhất với thành phố kém phát triển nhất cùng một thời điểm tiến hành khảo sát [cuối năm 1994] là thành phố Hồ Chí Minh và thị xã Hải Dương thì sẽ thấy : nhóm thấp nhất chênh nhau 2,1 lần trong khi đó nhóm cao nhất chênh nhau 3,36 lần.

Trung bình thu nhập theo nhóm [nghìn đồng]

	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 5	Chung
ĐÔ THỊ :						
Hà Nội	63.39	115.09	141.35	192.73	601.75	224.52
Hải Dương	90.42	133.35	168.59	205.57	313.19	181.90
Đà Nẵng	70.01	104.67	125.12	153.52	288.41	148.30
Cần Thơ	102.75	159.82	223.43	312.43	527.52	265.58
T.p Hồ Chí Minh	190.25	287.57	385.82	553.62	1053.69	491.39
NÔNG THÔN :						
Hải Hưng	55.27	70.86	84.12	102.10	189.85	100.59
Quảng Nam-Đà Nẵng	51.64	77.46	100.71	134.70	305.81	135.37
Nông thôn Cần Thơ	70.62	102.48	133.10	196.92	439.84	188.43

Thứ tư của sự chênh lệch giữa nhóm có thu nhập thấp nhất và nhóm có thu nhập cao nhất là như sau : ở Hà Nội : 9,49; ở thành phố Hồ Chí Minh : 5,54; ở

Cần Thơ : 5,39; ở Đà Nẵng : 4,01 và ở Hải Dương : 3,46 lần. Cũng phải nói thêm rằng, nhóm có thu nhập thấp nhất ở thị xã Hải Dương, điểm kém phát triển nhất trong tương quan với 5 điểm khảo sát, thì vẫn đạt được mục 90.420 đ/người/ tháng. Sự biến động về thu nhập đột biến khi xem xét sự khác nhau ở các nhóm có thu nhập cao nhất ở tất cả các điểm khảo sát ở đô thị.

1.3 So sánh tương quan đô thị - nông thôn thì có thể đưa dăm nhận định : chậm phát triển thì có độ bất bình đẳng cao hơn. Nếu so sánh theo chiều đô thị với dự thi ở 4 điểm nghiên cứu : Hải Dương, Đà Nẵng, Cần Thơ và thành phố Hồ Chí Minh, tạm đặt Hà Nội ra khỏi tương quan này, sẽ thấy hệ số Gini tăng lên theo cùng với trình độ phát triển kinh tế hàng hóa : 0.249; 0.291; 0.321; 0.351 và 0.438. Điều này không có gì khó hiểu và cũng không mâu thuẫn với nhận định được rút ra trong tương quan nông thôn - đô thị ở trên.

Nét phổ biến của *giai đoạn đầu* của sự phát triển là sự tăng trưởng kinh tế tăng cùng với mức độ bất bình đẳng. Tuy nhiên, không tất yếu là mức độ nghèo đói tuyệt đối sẽ tăng cùng với tỷ lệ bất bình đẳng. Có thể thấy rõ điều này qua việc so sánh tỷ lệ người sống dưới mức trung bình của điểm khảo sát ở thành phố Hồ Chí Minh là 2,9% so với tỷ lệ người sống dưới mức trung bình của thị xã Hải Dương là 41,3%. Cả hai điểm khảo sát này cũng diễn ra cùng một thời điểm : quý 4 năm 1994.

Còn Đà Nẵng và Cần Thơ thì thời điểm khảo sát cách nhau đúng một năm, nhưng tỷ lệ nhóm sống dưới mức trung bình của Đà Nẵng đã cao hơn hẳn ở Cần Thơ.

Sở dĩ phải tách Hà Nội riêng ra vì dường như ở đây có nét đặc thù : xét về trình độ phát triển kinh tế hàng hóa thì Hà Nội chưa cao bằng thành phố Hồ Chí Minh, nhưng hệ số Gini chỉ sự bất bình đẳng lại cao hơn ở thành phố Hồ Chí Minh. Chúng tôi muốn lý giải hiện tượng này theo hướng nhìn nhận sự tương quan giữa trình độ của một thành phố vừa từ mô hình cơ chế kế hoạch hóa tập trung và bao cấp mới chuyển sang cơ chế thị trường, yếu tố tích lũy kiểu mô hình kém phát triển mang dáng dấp nông thôn trước đây chưa trút bỏ được hoàn toàn, và vì thế đã lớp lại mô hình bất bình đẳng trong tương quan nông thôn - đô thị.

2. Về sự phân tầng xã hội ở đô thị

2.1 Kinh tế thị trường được khởi động và phát triển ở đô thị, điều ấy có thể dễ dàng tìm thấy ở tất cả mọi nơi. Sự phân tầng về một thu nhập cũng là điều dễ thấy. Tuy vậy, cuộc khảo sát xã hội học này muốn hướng vào sự nhận dạng về sự phân tầng xã hội và động lực của sự phát triển. Cùng với hướng nhận dạng về các kiểu loại khác nhau trong thu nhập và mức sống mà các tầng lớp có sự khác biệt. chúng tôi cố gắng thu thập và phân tích cực chi bào, liên quan đến lối Bồng, trình độ học vấn, sự đầu tư cho con cái về việc học hành để mong tìm thấy *một sự tái tạo về văn hoá tương thích với sự thăng tiến về kinh tế*.

Do sự đồng đều tương đối về sở hữu, hệ quả được thừa hưởng của những giai đoạn lịch sử bao cấp và thời kỳ kế hoạch hóa tập trung [ở miền Bắc trước đây

và một phần ở một số vùng ở miền Nam sau ngày giải phóng], sự phân tầng dưới tác động của sở hữu có thể thấy rõ ở thành phố Hồ Chí Minh, còn nói chung là không rõ nét. *Năng lực thị trường* là một yếu tố mới làm chuyển đổi nhiều số phận trong bước thăng trầm của các vị thế kinh tế và xã hội.

Trong bối cảnh đó, tri thức về khoa học và công nghệ có ý nghĩa lớn trong một cơ chế biết khai thác và phát huy chất xám, một thứ hàng hóa đặc biệt. *Năng lực thị trường* được hình thành do bản lĩnh và kinh nghiệm cá nhân dựa vững trên trình độ tri thức về khoa học và công nghệ sẽ là những thành tố vững chắc giúp vào việc xây dựng một thị trường văn minh và luật định, nhanh chóng thoát ra khỏi giai đoạn sơ khai và hoang dã, trong đó kiểu kinh doanh chộp giật bằng nhiều thủ đoạn gian manh đang thắng thế. Khái niệm "*sự tái tạo về văn hoá*" bao hàm nội dung của sự đầu tư cho học vấn và tay nghề cho bản thân người đang tự trau dồi năng lực thị trường và đặc biệt là cho thế hệ kế tiếp. Tầng lớp ưu tú của xã hội phải được hình thành trên cơ sở sàng lọc của cuộc sống, trong đó văn hóa là một đảm bảo quan trọng. Chúng tôi hiểu văn hóa không chỉ là kết quả của tăng trưởng kinh tế mà còn là nhân tố bên trong, thậm chí là nhân tố có ý nghĩa quyết định của sự phát triển kinh tế và xã hội.

Đương nhiên, sự tái tạo về văn hóa ấy chỉ có thể diễn ra trong những điều kiện kinh tế cho phép. Vì vậy, *các chỉ báo về sự tái tạo văn hóa được đo đếm cùng với trình độ kinh tế. Lối sống gắn liền với mức sống, chất lượng sống.*

2.2 Sự phân tầng về mức sống có liên quan nhiều đến thu nhập, song không chỉ có thế, mà ở rất nhiều các chỉ tiêu khác về đời sống cũng đã được đo đếm và nhận xét.

Trước hết, nhà ở và các trang thiết bị nội thất là các chỉ báo khá tập trung cho việc phân loại mức sống. Càng nhích dần lên cấp bậc trên của tháp phân tầng, bình quân mét vuông nhà ở/đầu người cùng với các công trình phụ, các trang thiết bị khác như bếp ga, tủ lạnh, bình tắm nước nóng, các kiểu loại bệ xí, v.v... đều tăng lên về số lượng, đặc biệt là về chất lượng.

Chẳng hạn như, sự khác biệt giữa nhóm cao nhất và nhóm thấp nhất trong dải phân tầng về diện tích nhà ở đo được là : ở thành phố Hồ Chí Minh : 2,75 lần; Hà Nội : 2,57 lần; Cần Thơ : 2,57 lần; Đà Nẵng : 2 lần và Hải Dương 1,62 lần.

Về các trang thiết bị cho đời sống hàng ngày, càng nổi bật lên sự khác biệt ở các nhóm trong dải phân tầng. Ví dụ như ở Hà Nội, có 86,7% các hộ thuộc nhóm cao nhất có đủ xe máy; 83,3% có vô tuyến truyền hình màu; 93,3% có radio - cassette; 83,3% có tủ lạnh trong khi ấy, ở nhóm thấp nhất có các tỷ lệ theo trình tự tương ứng là : 10,3%; 27,6%; 27,6% và 31%.

Các kiểu loại chi tiêu trong ngân sách gia đình cũng phản ánh sự khác biệt giữa các tầng lớp về mức sống và lối sống.

Chi tiêu bình quân đầu người cho ăn uống :

Tiền ăn trong bình mỗi người / tháng [nghìn đồng]						
	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 5	Chung
HÀ NỘI	70.80	96.21	119.2	131.4	190.2	120.2
Hải Dương	64.49	96.27	118.8	117.8	137.4	106.4
Đà Nẵng	56.71	119.5	98.00	112.7	127.5	103.2
Cần Thơ	73.51	81.89	110.6	99.01	151.6	103.5
T.p Hồ Chí Minh	124.5	167.8	213.0	254.1	337.3	219.2

Ở các nhóm cao nhất và nhóm thấp nhất của các điểm nghiên cứu có thể ghi nhận được sự cách biệt là 2,75 lần ở thành phố Hồ Chí Minh; 2,69 lần ở Hà Nội; 2,25 lần ở Đà Nẵng; 2,13 lần ở Hải Dương và 1,75 lần ở Cần Thơ.

Nếu phân tích tỷ trọng của ngân sách chi tiêu dành cho ăn uống theo bình quân đầu người ở nhóm có thu nhập thấp nhất sẽ thấy chiếm đến trên 213 trở lên thu nhập có được. Trong lúc đó thì ở nhóm cao nhất chỉ 1/3 trở lên. Cụ thể là :

- + ở Hà Nội : 112% ở nhóm thấp và 32% ở nhóm cao nhất
- + Ở Cần Thơ : 95% ở nhóm thấp và 31% ở nhóm cao nhất
- + Ở Đà Nẵng : 97% ở nhóm thấp và 44% ở nhóm cao nhất
- + Ở Hải Dương : 71% ở nhóm thấp và 44% ở nhóm cao nhất
- + Ở thành phố Hồ Chí Minh : 65% ở nhóm thấp và 32% ở nhóm cao nhất.

Nếu chỉ lấy riêng về sử dụng điện, một chỉ báo của mức sống và lối sống trong cuộc sống hiện đại thì sự cách biệt giữa nhóm cao nhất và nhóm thấp nhất là 4,39 lần ở Đà Nẵng. Còn nếu so sánh nhóm cao nhất ở thành phố Hồ Chí Minh và nhóm thấp nhất ở Cần Thơ thì cách nhau đến 16 lần.

2.3 Các chỉ báo về học vấn

Văn hóa theo nghĩa rộng, có thể thu gọn lại là tất cả những gì do con người ở trong con người và liên quan đến con người. Và vì thế, đương nhiên văn hóa không chỉ biểu hiện ở trình độ học vấn, nhưng học vấn là một thành tố quan trọng nhất của văn hóa.

Nét nổi rõ lên là : tỷ lệ những người có học vấn đại học và trên đại học, xét riêng về người chồng đã gia tăng nhanh chóng từ nhóm có thu nhập thấp đến nhóm có thu nhập cao. Người có bằng đại học chiếm tỷ lệ cao ở nhóm có thu nhập cao có thể xếp theo trình tự sau đây : cao nhất là Hà Nội, thứ đến thành phố Hồ Chí Minh, và tiếp theo là Đà Nẵng, Cần Thơ, Hải Dương.

Trình độ học vấn của người chồng [dưới cấp II] %

	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 5	Chung
Hà Nội	19,2	3,3	7,7	8,0	3,8	8,3
Hải Dương	10,7	7,7	0,0	3,7	0,0	4,6
Đà Nẵng	23,1	29,6	10,0	20,8	4,3	17,7
Cần Thơ	20,0	30,8	20,0	40,0	9,1	24,4
T.p Hồ Chí Minh	32,6	25,6	29,2	12,6	19,1	23,9

Trình độ học vấn của người vợ [dưới cấp II] %

	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 5	Chung
Hà Nội	17,2	6,5	7,4	0,0	14,3	9,1
Hải Dương	12,5	10,7	0,0	3,4	3,3	6,1
Đà Nẵng	71,4	61,7	32,3	41,7	20,8	44,4
Cần Thơ	44,8	30,8	41,4	50,0	44,8	42,6
T.p Hồ Chí Minh	44,9	35,6	38,2	18,4	13,5	30,2

Ở người vợ cũng thấy có chiều hướng tương tự.

Điều đáng suy nghĩ là, một tỷ lệ không nhỏ những người có trình độ đại học [nam giới] lại rơi vào nhóm nghèo nhất trong tháp phân tầng. Tỷ lệ đó chiếm đến 15,4% ở Hà Nội.

Riêng với phụ nữ có trình độ đại học rơi vào nhóm nghèo chỉ quan sát thấy ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh với một tỷ lệ thấp: 6,9% và 2,2%.

Cũng có thể rút ra những kết luận nào đấy nếu nhìn sâu vào người có học vấn thấp [nam giới] nhưng lại vẫn nằm trong nhóm có thu nhập cao nhất, ở thành phố Hồ Chí Minh, trong nhóm ấy có đến 19,1% chỉ có trình độ học vấn từ cấp II trở xuống và ở Cần Thơ, tỷ lệ đó là 9,1%.

Nếu nhìn khái quát thì thấy các đô thị phía Bắc có trình độ học vấn khá hơn ở các đô thị phía Nam, trong đó, Hà Nội có một tỷ lệ rất cao đáng tự hào: 37% tổng số người được phỏng vấn qua bảng hỏi đã có trình độ học vấn từ đại học trở lên.

Dừng lại quan sát kỹ về mối tương quan giữa học vấn và thu nhập ở Hà Nội, thấy nổi lên mấy điểm sau :

+ Người có trình độ học vấn từ cấp II trở xuống không có ở nhóm có thu nhập bình quân từ mức trung bình đến mức rất cao.

+ Các đối tượng có học vấn từ đại học trở lên chiếm tỷ lệ trên 3/4 ở mức thu nhập bình quân cao, 1/2 ở mức rất cao và trên một nửa ở mức trung bình.

+ Tuy vậy, trình độ học vấn này vẫn còn chiếm đến 15% ở mức thu nhập rất thấp và 37% ở mức thu nhập thấp.

Những số liệu này, một mặt, nói lên giá trị của chất xám trong cơ chế thị trường, nhưng mặt khác, không phải cứ có tấm bằng đại học là có thể có bước thuận lợi trong thăng tiến xã hội về một kinh tế. Ở đây, còn có vấn đề ý nghĩa thực tiễn và khả năng vận dụng học vấn này vào cuộc sống, và như thế cũng có nghĩa là trình độ học vấn còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố khác mới có thể có tác dụng trong cơ chế mới. Vấn đề tự đào tạo và đào tạo lại những tri thức cần thiết để có thể phát huy tác dụng trong thị trường đang là một vấn đề bức xúc.

Bên cạnh trình độ học vấn, một chỉ báo khác cho phép nhìn nhận sâu hơn về ý nghĩa của học vấn đối với sự thăng tiến xã hội đó là sự đánh giá về học vấn của các nhóm xã hội có mức thu nhập khác nhau :

Sự đánh giá cao học vấn trong cuộc sống là tương đối nhất quán ở tất cả các nhóm từ thấp đến cao.

Tuy nhiên, với câu hỏi thăm dò : "Liệu học vấn cao có dẫn đến cuộc sống đầy đủ, một tỷ lệ rất nhỏ tán thành điều này tại thành phố Hồ Chí Minh theo các tỷ lệ ở các nhóm thu nhập trong dải phân tầng như sau :

+ Nhóm 1 :	4,1%
+ Nhóm 2 :	7%
+ Nhóm 3 :	8,8%
+ Nhóm 4 :	11%
+ Nhóm 5 :	12%

Phải chăng là cư dân ở thành phố có trình độ phát triển kinh tế thị trường mạnh đã có một thái độ rất thực tế đối với học vấn. Họ thấy học vấn là cái cần nhưng chưa đủ để tạo ra cuộc sống đầy đủ trong cuộc đua tranh đầy bất trắc của một giai đoạn khởi đầu của kinh tế thị trường chưa phải là một nền kinh tế thị trường luật định với ý nghĩa văn minh cần phải có của nó.

Để hiểu rõ hơn điều này, hãy so sánh giữa các thành phố về cách đánh giá nói trên ở nhóm có thu nhập rất cao, tức là nhóm có đủ điều kiện để đánh giá nhất về lĩnh vực này :

+ Hải Dương :	86%
+ Cần Thơ :	80%
+ Hà Nội :	68,5%
+ Đà Nẵng :	66%
+ Thành phố Hồ Chí Minh :	12%

Nằm ở trung tâm của hai vùng đồng bằng mà sản xuất nông nghiệp là chủ yếu : Hải Dương với đồng bằng sông Hồng và Cần Thơ với đồng bằng sông Cửu Long lại rất kỳ vọng ở học vấn, phải chăng đó là điều họ đang thiếu. Người ta quá ư kỳ vọng vào điều mà người ta chưa có hoặc có quá ít.

Một câu hỏi tương tự với một nội dung thay đổi chút ít nhằm khơi sâu hơn về vấn đề này : "liệu học vấn đại học có giúp cho bạn bước vào đời thuận lợi không". Có một đa số ở khắp các điểm khảo sát chấp nhận giá trị chung này, tỷ lệ đạt trên 70%, và riêng ở thành phố Hồ Chí Minh là 74,3%.

Một đa số chấp nhận học vấn đại học là *một điều kiện thuận lợi*, nhưng việc có cho con theo học đại học hay không lại là một chuyện khác.

Tỷ lệ những người nhất quyết cho con đi học đại học gia tăng cùng với thu nhập, thấy rõ ở Hà Nội : 20%; Hải Dương : 15% và Đà Nẵng 20% ở nhóm thu nhập thấp nhất và 64,8%; 61,4%; 57,4% theo trình tự các thành phố trên ở nhóm có thu nhập cao nhất. Như vậy là nhóm cao nhất có tỷ lệ nhất quyết cho con đi học đại học nhiều *gấp 3 lần* so với nhóm có thu nhập thấp nhất.

Trong khi đó, ở Cần Thơ tỷ lệ chỉ còn có hai lần : 21,4% ở nhóm thấp nhất và 43,5% ở nhóm cao nhất.

Điều đặc biệt đáng chú ý là ở thành phố Hồ Chí Minh, *ý định nhất quyết cho con đi học đại học lại giảm dần cùng với sự gia tăng thu nhập:*

44,4% ở nhóm 1

30,2% ở nhóm 2

29,2% ở nhóm 3

16,2% ở nhóm 4

15% ở nhóm 5

Cần lưu ý rằng, cũng tại thành phố này, có đến trên 80% ở tất cả các nhóm cho rằng *muốn sống khá cần phải có trình độ đại học*.

Có thể hiểu rõ hiện tượng trên nếu biết rằng, ở đây, có đến 56% số người trả lời là để cho việc theo học đại học tùy thuộc vào khả năng và quyết định của con. Sẽ thấy rõ thái độ thực tế của người dân ở thành phố có hoạt động công nghiệp, thương mại, dịch vụ mạnh nhất này khi so sánh với tỷ lệ nói tiêu giảm gần ở các thành phố khác. Chẳng hạn, ở Hà Nội, chỉ có 31,8% để tùy vào khả năng và quyết định theo học đại học của con, trong đó, nhóm có thu nhập cao nhất chỉ có 9,3% là đồng ý với cách giải quyết đó.

Sẽ dễ lý giải các hiện tượng nói trên khi dõ sâu vào một thời đoạn của cuộc sống mà cơ hội thăng tiến xã hội duy nhất là học lên để kiếm lấy mảnh bằng đại học để có thể chắc chân trong biên chế nhà nước. Bậc thang giá trị treo trật tự sĩ, nông, công, thương của thời xa xưa vẫn sống dai dẳng dưới một bộ áo khoác mới trong cơ chế quan liêu, bao cấp kéo khá dài ở miền Bắc và không phải là không có tác động đến nhiều nhóm xã hội ở các tỉnh phía Nam. Các bậc thang giá trị đang chuyển đổi dần cùng với sự chấp nhận kinh tế thị trường trong công cuộc Đổi Mới.

2. 4 Các chỉ báo bổ sung liên quan đến học vấn

+ *Về tay nghề và trình độ chuyên môn cao.* Điều dễ dàng nhận thấy là những giá trị này tỷ lệ thuận với thu nhập. Có thể nêu lên vài dẫn chứng : ở Hà Nội, trong nhóm có thu nhập thấp nhất thì tỷ lệ người chồng có trình độ chuyên môn cao là 19,2% so sánh với tỷ lệ 80% ở nhóm có thu nhập cao nhất.

Ở thành phố Hồ Chí Minh, con số tương ứng là 5,6% so với 33,7%.

Sẽ nổi rõ ý nghĩa này hơn khi xem xét tỷ lệ người về hưu hoặc hiện thuộc diện không có việc làm thường chiếm tỷ lệ cao trong nhóm có thu nhập thấp nhất. Hãy lấy Đà Nẵng làm ví dụ : 42,3% ở nhóm có thu nhập thấp nhất so với 8,7% ở nhóm có thu nhập cao nhất thuộc diện nói trên.

Tuy nhiên, *chia sẻ giá trị này ở những nhóm khác nhau không có sự nhất quán*, trong đó, ở các thành phố nhỏ thì có sự nhất trí cao trong số nhìn nhận về tay nghề và trình độ chuyên môn giỏi là một giá trị đáng trân trọng và cần thiết. Hải Dương, Đà Nẵng, Cần Thơ đều có những tỷ lệ đánh giá cao ở tất cả các nhóm.

Trong lúc đó, ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh thì lại không nhận được sự đánh giá cao về giá trị này, đặc biệt là các nhóm có thu nhập cao nhất : 33,3% ở Hà Nội và 16,2% ở thành phố Hồ Chí Minh.

Giải thích như thế nào về hiện tượng này ? Tại sao sự tinh thông tay nghề , một phẩm chất đặc trưng cho xã hội hiện đại vốn đòi hỏi sự chuyên môn hóa cao, lại không được các nhóm có thu nhập cao nhất ở hai thành phố có chỉ số GDP đầu người cao nhất nước đánh giá là cái tối cần thiết để bước vào đời ?

Phải chăng, hiện nay, mặc dầu đã có bước phát triển cao so với cả nước, nhưng trình độ phát triển ấy chưa đạt đến mức mà những giá trị tay nghề cao, chuyên môn giỏi được đặt đúng vị trí. Những người đang giàu có nhanh lên chưa phải đã do họ có tay nghề cao và tinh thông nghiệp vụ chuyên môn ở những nghề nghiệp bậc cao ? Ở những bước khởi đầu của kinh tế thị trường, lối kinh doanh chớp giạt đang giành được ưu thế so với việc đầu tư cho những công nghệ bậc cao để làm ra sản phẩm có chất lượng ? Có một cách lý giải như vậy khi xem xét hiện tượng trên. Trong lúc đó, ở những thành phố kém phát triển hơn, người ta lại đã cảm thấy sự cần thiết sự tinh thông một nghề vào loại trung bình.

Cũng tương tự như vậy, ở một chỉ báo thăm dò khác, "*biết tính toán làm ăn* " không được chia sẻ như một giá trị cần thiết để bước vào đời thuận lợi.

Tất cả các nhóm thu nhập, kể cả cao và cao nhất, trừ Hà Nội ra, đều có tỷ lệ tán thành giá trị này rất thấp : tỷ lệ không quá 10% ở tất cả các nhóm. Đặc biệt là ở những nhóm có thu nhập thấp lại có xu hướng đánh giá cao hơn giá trị này so với các nhóm có thu nhập cao và rất cao. Chẳng hạn như, ở Hải Dương chỉ có 3,5% và 0% ở nhóm cao và cao nhất trong thu nhập thừa nhận giá trị này.

+ Riêng ở thành phố Hà Nội, thì chỉ số thừa nhận giá trị này lại rất cao, đặc biệt là ở nhóm có thu nhập thấp nhất lại có đến 90,9% tán thành phải biết tính toán làm ăn mới có thể khá lên được. Ở câu hỏi thăm dò tiếp theo, một trắc nghiệm về tâm lý, khi trả lời câu hỏi "*học hành thời buổi này không bằng đi buôn*" thì tỷ lệ người đồng ý với quan điểm đó đều rất thấp ở tất cả các nhóm, trong đó, ở nhóm có thu nhập cao nhất không quá 10% tán thành điều này.

Cũng chỉ riêng ở Hà Nội, số người tán thành với quan niệm trên có cao hơn một chút so với các nơi khác. Phải chăng, Hà Nội, nơi tiêu biểu cho cơ chế kế hoạch hóa tập trung và bao cấp, sau một thời gian dài chịu ảnh hưởng nặng nề của cách đánh giá theo bậc thang giá trị "sỹ, nông, công, thương" trước đây bằng những biến tướng *mới* của sự miệt thị thương nhân, coi thường nghề buôn bán, giờ đây trong sự chuyển mạnh sang cơ chế thị trường, đã "thật mục sở thị" sức mạnh của quan điểm "phi thương, bất phú" bắt đầu thấy cần phải đánh giá lại giá trị thương nhân trong các thang bậc xã hội.

+ Bổ sung cho những nhận xét trên, có đến trên 70% số người được hỏi khẳng định rằng "*trẻ con ngày nay được học hành tử tế hơn ngày xưa*" và khi so sánh với chính bản thân mình, thì có tới 90% số người được hỏi ở tất cả các nhóm cho rằng con họ biết nhiều hơn bản thân họ ở vào tuổi ấy.

Trả lời câu hỏi "*thầy cô giáo đang là những người được xã hội trọng vọng*", tỷ lệ những người đồng ý với nhận định ấy có sự khác biệt ở các thành phố được khảo sát. ở thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Hải Dương, tỷ lệ người đồng ý với nhận định ấy lên đến 80%. Trong khi đó, Hà Nội và Đà Nẵng vốn là đất hiếu học và có truyền thống "tôn sư trọng đạo" lại chỉ có tỷ lệ 60% tán thành. Có lẽ vì có truyền thống đó nên người ta dễ bất bình với một hiện thực là giáo dục xuống cấp và cùng với nó, vị thế của thầy giáo, cô giáo cũng không được xã hội coi trọng như người ta vốn mong cần phải như thế.

Sự đầu tư thời gian và tiền của cho việc học hành của con cái là một chỉ báo đặc sắc cho một định hướng thăng tiến xã hội và giúp vào việc phác họa mô hình văn hóa đặc trưng của một nhóm xã hội.

+ *Cho con học thêm* : đây là một nét phổ biến nổi bật, chưa hẳn là sự minh họa cho định hướng thăng tiến xã hội và mô hình văn hóa như đã nói, mà trước hết là *sự xuống cấp của hệ thống giáo dục*, sự bối rối trong các giải pháp nâng cao chất lượng của việc giảng dạy và học tập ở nhà trường.

Có trên 95% tỷ lệ người được hỏi ở Hà Nội, Hải Dương và Đà Nẵng cho con đi học thêm ngoài giờ học chính khóa ở nhà trường. Trong đó, ở nhóm có thu nhập cao và rất cao thì tỷ lệ cho con đi học thêm là 100% !

Ở Cần Thơ, có 74,4% cho con học thêm, ở thành phố Hồ Chí Minh tỷ lệ đó là 90,2% với chiều hướng tăng dần lên cùng với sự chuyển dịch từ nhóm có thu nhập thấp đến nhóm có thu nhập cao. Tỷ lệ đó là 97,8% ở tầng lớp cao nhất tại thành Phố Hồ Chí Minh.

Cho con học thêm

	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 5	Chung
Hà Nội	93,1	100,00	96,4	100,00	100,00	98,0
Hải Dương	90,6	96,7	92,9	96,6	100,00	95,3
Đà Nẵng	96,6	96,8	89,3	100,00	96,6	95,9
Cần Thơ	70,0	75,9	80,0	72,4	90,0	77,7
T.p Hồ Chí Minh	83,1	82,2	93,3	94,3	97,8	90,1

Chi phí tiền học cho con trung bình mỗi con đầu năm học mới [nghìn đồng]

	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 5	Chung
Hà Nội	71.99	84.17	101.0	101.3	213.6	115.0
Hải Dương	113.3	105.5	116.8	126.5	119.3	120.7
Đà Nẵng	91.41	110.5	117.1	148.0	157.3	124.7
Cần Thơ	129.7	144.2	167.7	156.1	177.3	155.0
T.p Hồ Chí Minh	147.1	177.2	192.2	233.3	262.1	203.2

Điều cần nói thêm ở đây là mặc dầu tư cho con ăn học là rất đáng kể nói chung và rất nặng nề đối với nhóm có thu nhập thấp nếu xem xét các chi phí tuyệt đối, nhất là trong dịp đầu năm học và cộng thêm với các khoản đóng góp mà thật là khó mà từ chối, ngay cả với những gia đình nghèo nhất!

Nếu tính theo tỷ lệ thì càng thấy rõ, chi phí cho việc học hành của con chiếm một khoản ngày càng lớn đối với các nhóm có thu nhập thấp : 30% ở Hà Nội; 32% ở Đà Nẵng và 44% ở thành phố Hồ Chí Minh, trong khi đó, ở các nhóm có thu nhập cao nhất là 9%; 18% và 23% tương ứng.

Cũng cần phải nói thêm rằng, sự khác biệt về việc đầu tư cho học tập của con cái ở các tầng lớp có thu nhập khác nhau chỉ nổi rõ ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng, trong lúc ở Cần Thơ và Hải Dương không quan sát thấy sự khác biệt đó. Hơn nữa, tỷ lệ đầu tư cho việc học của con là tương đối thấp, 12% ở nhóm thấp và 2,02% ở nhóm cao nhất tại Cần Thơ. Phải chăng là ở những nơi này, nhu cầu tăng tốc cho việc đầu tư về học vẫn chưa phải là bức bách? Cũng như vậy, dành thời gian chăm sóc đến việc học hành của con cũng chỉ thấy nổi rõ ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, ở các thành phố khác không có tín hiệu và sự quan tâm đặc biệt.

Riêng với việc cố gắng *chọn trường tốt, lớp tốt* cũng nổi rõ hơn ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và phần nào ở Đà Nẵng. Có thể thấy điều này qua tỷ lệ đó ở các nhóm có thu nhập cao nhất : 81,8% ở thành phố Hồ Chí Minh; 66,7 % ở Hà Nội và 41,4% ở Đà Nẵng, và trình tự tương ứng ở nhóm có thu nhập thấp nhất là : 41,6%; 41,4% và 13,8%.

Ở Cần Thơ và Hải Dương không quan sát thấy sự chênh lệch trong mỗi quan tâm này ở các nhóm khác nhau.

Có thể rút ra hai nhận định từ những chỉ báo trên :

a. Cùng với trình độ phát triển của kinh tế, việc quan tâm đến học vấn và sự đầu tư về tiền của cũng như về thời gian chăm sóc đến việc học hành của con cái là những dấu hiệu đáng mừng về những nhân tố góp vào tính bền vững của sự phát triển. Cần lưu ý rằng văn hóa luôn luôn là hệ điều tiết của sự phát triển kinh tế và tiến bộ xã hội.

Tuy nhiên, ở hai trung tâm của vùng đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long, cũng có nghĩa hai vùng đó có ảnh hưởng mạnh đến sự phát triển nông nghiệp và nông thôn, *vai trò của học vấn chưa trở thành lực tác động đến sự phát triển*. Điều này sẽ có mối liên quan đến định hướng phát triển nông nghiệp, nông thôn và công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn và nông nghiệp.

b. Liên quan tới tất cả mọi tầng lớp cư dân, chất lượng của hệ thống giáo dục đang là mối quan tâm lớn và mang tính bức xúc. Những khoản chi phí cho việc học thêm và những phụ thu không rõ ràng và khá thường xuyên đã góp phần tạo ra sự bất bình đẳng đối với thu nhập và chất thêm gánh nặng cho những nhóm có thu nhập thấp. Điều này, về lâu dài sẽ trực tiếp ảnh hưởng đến khả năng di động xã hội vì sự hạn chế tiềm năng đầu tư cho học vấn để cải thiện đời sống, chuyển đổi nghề nghiệp, thay đổi vị thế xã hội đối với những người ở trong nhóm xã hội có thu nhập thấp có ý chí về sự thăng tiến xã hội. *Sự thăng tiến xã hội dựa trên chuẩn mực tài năng* là một biểu hiện lành mạnh của định hướng phát triển của đất nước tiến lên xã hội hiện đại. Muốn vậy, tạo cơ hội đồng đều cho mọi người mong muốn được học hành và phát triển tài năng phải là một trong những nội dung quan trọng của các chính sách xã hội. Đổi mới hệ thống giáo dục để góp phần hạn chế đến mức thấp nhất sự bất bình đẳng trong việc nâng cao trình độ học vấn phải là hướng phấn đấu quyết liệt trong thời gian tới.

2.5 Các chỉ báo bổ sung vào việc nhận diện mô hình văn hóa của các nhóm xã hội.

Mua sách cho gia đình : Tỷ lệ người mua sách để đọc ở nhà giảm dần cùng với các nhóm có thu nhập thấp và rất thấp, ở các nhóm có thu nhập cao và rất cao thì tỷ lệ người mua sách cũng cao hẳn lên, tuy nhiên *có sự khác biệt lớn giữa các khu vực*

Hải Dương có tỷ lệ mua sách cho người lớn thấp nhất, thấp tới hơn hai lần so với tỷ lệ này của thành phố Hồ Chí Minh ở nhóm có thu nhập cao nhất.

Tỷ lệ những người mua sách cho con đi học lên đến 96% ở thành phố Hồ Chí Minh. Trong lúc đó, tỷ lệ này lại rất thấp ở Cần Thơ, chỉ có 18,5% ở nhóm có thu nhập cao nhất trong lúc đó tỷ lệ này ở Hải Dương là có đến 77,4%.

+ *Mua và đọc báo*: Nếu nhìn nhận báo chí là nguồn cung cấp thông tin rất quan trọng, và đọc báo khác với nghe loa truyền thanh ở chỗ đây không là sự áp đặt, mà là một nhu cầu tự nguyện tiếp nhận thông tin và tự suy ngẫm về những thông tin ấy. Đọc báo cũng là một nét của nhu cầu hiện đại. Những con số thu nhận được cho phép rút ra những cảm nhận và suy nghĩ về người mua báo hàng ngày :

Số người mua báo hàng ngày :

	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 5	Chung
Hà Nội	10,3	19,4	35,7	17,2	43,3	25,2
Hải Dương	9,4	13,8	10,7	10,3	19,4	12,8
Đà Nẵng	10,3	9,7	10,7	24,1	34,5	17,8
Cần Thơ	10,0	6,9	10,0	17,2	23,3	13,5
T.p Hồ Chí Minh	47,2	55,6	55,6	69,8	77,3	60,9

Như vậy là ở phía Bắc, Hà Nội chênh so với Hải Dương về mua báo hàng ngày là 2 lần, còn ở phía Nam độ chênh đó là đến 6 lần giữa thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Cần Thơ. Và nếu so sánh tỷ lệ này thì thành phố Hồ Chí Minh cao hơn Hà Nội đến 2,4 lần ! *Tầng lớp có thu nhập cao nhất của Hà Nội có tỷ lệ mua báo ngày không vượt nổi tỷ lệ ấy ở nhóm có thu nhập thấp nhất ở thành phố Hồ Chí Minh : 43,3% so với 47,2%* [ở đây cần lưu ý là có thể người ta không mua, nhưng người ta có đọc ở cơ quan, hoặc được cung cấp báo theo một tiêu chuẩn nào đó].

Việc mua báo tuần có nét khả quan hơn. Người mua báo tuần chiếm 75% trong nhóm có thu nhập cao nhất, trong đó, ở thành phố Hồ Chí Minh tỷ lệ này lên đến 97,8%. Tình hình này có khác ở Hà Nội, tỷ lệ mua báo tuần cao nhất không rơi vào nhóm có thu nhập cao nhất ! Có thể họ được bao cấp về khoản này chăng, vì phần lớn người có thu nhập cao nhất nằm trong nhóm quan chức có vị thế tương đối cao để có thể được cung cấp báo chí ! Trong lúc đó, có một nét thông tin khá thú vị là : *ở nhóm có thu nhập thấp nhất cũng có một tỉ lệ rất đáng kể người mua báo tuần : tỷ lệ đó thấp nhất là ở Hải Dương cũng đạt mức 40,6% và lên cao nhất là 77,5% ở cùng nhóm này tại thành phố Hồ Chí Minh.* Cần lưu ý rằng Hà Nội mới là thành phố có trình độ học vấn đại học với tỷ lệ cao nhất so với cả nước, thế nhưng về tỷ lệ mua và đọc báo hàng ngày cũng như báo tuần không bằng thành phố Hồ Chí Minh. Và nếu nhìn việc mua và đọc báo ngày cũng như báo tuần như là một chỉ báo xã hội học về nét hiện đại của một thành phố thì đây lại thêm một

bổ sung luận cứ cho việc lý giải về trình độ phát triển kinh tế thị trường và mức độ hiện đại của thành phố Hồ Chí Minh.

Ấy vậy nhưng, một chỉ báo khác giúp vào việc làm nổi rõ nét sinh hoạt hiện đại là *tổ chức sinh nhật cho con* thì Hà Nội lại có tỷ lệ cao hẳn so với thành phố Hồ Chí Minh.

90% có tổ chức sinh nhật cho con trong nhóm có thu nhập cao nhất ở Hà Nội. Còn ở nhóm có thu nhập thấp nhất tỷ lệ đó cũng lên đến 44,8% ở Hà Nội, trong lúc đó thì con số tương ứng ở thành phố Hồ Chí Minh chỉ là 25,8%. Nếu lấy thêm một con số so sánh nữa ở thành phố Cần Thơ : ở nhóm cao nhất là 36,9% và ở nhóm thấp nhất là 0% thì sẽ càng thấy nổi bật lên tỷ lệ mà Hà Nội có về một hình thức sinh hoạt có dáng dấp hiện đại nhưng *nặng về tập quán sinh hoạt đang thịnh hành và có tính thời thượng hơn là tính ích dụng của tập quán ấy*.

Tổ chức sinh nhật cho con là một tập quán một được du nhập, còn trong xã hội truyền thống thì người ta lại chỉ coi trọng ngày giỗ. Ở đây chúng tôi không bàn về việc tốt xấu của một tập quán, mà chỉ muốn qua đây tìm một chỉ báo về lối sống.

Có thể tham khảo thêm qua vài thông tin khác :

+ *Xem xiếc :*

- Hà Nội : 33,3%
- Hải Dương : 19,3%
- Đà Nẵng : 24,0%
- Cần Thơ : 5,5%
- thành phố Hồ Chí Minh : 8,8%

+ *Đi tham quan :* 56,7% ở Hà Nội và 43,8% ở thành phố Hồ Chí Minh trong nhóm có thu nhập cao nhất

+ *Đi nghỉ mát :* 53,3% ở Hà Nội và 67,4% ở thành phố Hồ Chí Minh trong nhóm có thu nhập cao nhất.

+ *Thưởng thức âm nhạc :* gia tăng cùng với mức thu nhập và đạt cao nhất ở tầng lớp có thu nhập cao nhất : Hà Nội có tỷ lệ lần lượt từ thấp nhất đến cao nhất là : 62,1%; 74,2%; 96,4%; 100% và 100%, còn ở cùng trình tự ấy ở thành phố Hồ Chí Minh là : 80,7%; 91,1%; 95,6%; 97,7% và 98,9%. Nhưng nếu tính gộp lại về nhu cầu thưởng thức âm nhạc thì ở thành phố Hồ Chí Minh cao hơn Hà Nội tý chút : 92,8% so với 86,4%. Trong lúc đó, *có treo tranh* trong nhà thì Hà Nội lại cao hơn trong tổng số so với thành phố Hồ Chí Minh : 69,9% so với 61,1%, nhưng ở cả hai đều có tỷ lệ thấp hơn so với ba thành phố khác : Cần Thơ : 80,4%; Hải Dương và Đà Nẵng đều 74%.

Nét phổ quát chung có thể nhận xét được là, cùng với những nhu cầu sinh hoạt vật chất đang dần dần được cải thiện, nhu cầu về đời sống tinh thần cũng đang từng bước được nâng cao ở đô thị. Mà thông thường, sự thoả mãn nhu cầu về đời sống tinh thần bao giờ cũng khó hơn là không dừng ở bất cứ giới hạn nào cả.

2. 6 Nhóm chỉ báo bổ sung về nhu cầu thăm viếng họ hàng, đời sống tâm linh và đời sống cộng đồng.

Thăm viếng họ hàng bà con là một sinh hoạt văn hóa của xã hội truyền thống, trong đó mỗi cá nhân là thành viên gắn bó với gia đình và hệ thống thân tộc. Trong guồng máy của xã hội đô thị đang phát triển theo hướng hiện đại, nét sinh hoạt nói trên bị mất dần đi. Do vậy, khi thu thập thông tin liên quan đến mô hình văn hoá thể hiện qua lối sống, chúng tôi lưu ý đến những chỉ báo giúp làm nổi rõ những khía cạnh đó của lối sống đô thị ở các nhóm xã hội khác nhau.

- Hãy quan sát tỷ lệ người đi thăm họ hàng hàng năm :

+ Tỷ lệ trong tổng số các nhóm : Hà Nội : 72%; Đà Nẵng : 52%; thành phố Hồ Chí Minh : 31,2%.

+ Ở nhóm có thu nhập thấp nhất : Hà Nội : 86,7%; Đà Nẵng : 62,1%; thành phố Hồ Chí Minh : 43,8%.

Muốn đi lại thăm viếng họ hàng, cũng cần phải có những tiên đề nhất định : hoàn cảnh kinh tế cho phép chẳng hạn, do vậy, dễ hiểu là có tỷ lệ gia tăng theo thu nhập của các nhóm. Nhưng ở bất cứ sự so sánh nào thì người đi thăm họ hàng bà con ở thành phố Hồ Chí Minh chỉ gần một nửa của Hà Nội mà thôi.

Việc cho con về thăm quê lại còn ít hơn nữa ở thành phố Hồ Chí Minh : 12,4%; trong khi đó ở Hà Nội vẫn còn đến 50% tỷ lệ người thường cho con về quê ở nhóm có thu nhập cao nhất.

- Thấp hương ngày rằm và mừng một đối với người bên "lương" và đi lễ nhà thờ ngày chủ nhật với bên "giáo" là những chỉ báo cho phép rọi một tia sáng thâm kín về đời sống tâm linh của cư dân đô thị.

Ở Hà Nội, nơi đã một thời có phong trào chống mê tín dị đoan mạnh mẽ và cũng là nơi tập trung nhiều cán bộ, quan chức trong bộ máy Nhà nước và Đảng, thì hiện đang có tỷ lệ người thấp hương ngày rằm và mừng một rất cao : 87% trên tổng số và đến 96,7% ở nhóm có thu nhập cao nhất.

Để tiện so sánh, hãy xem các số liệu sau :

Có thấp hương ngày rằm và mừng một hàng tháng

	%					
	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 5	Chung
Hà Nội	82,8	87,1	82,1	89,7	96,7	87,8
Hải Dương	71,9	80,0	98,3	69,0	74,2	76,7
Đà Nẵng	62,1	80,6	78,6	82,8	69,0	74,7
Cần Thơ	20,0	20,7	16,7	31,0	23,3	22,3
T.p Hồ Chí Minh	63,6	62,2	71,1	58,6	59,6	63,1

Có hai điều cần lưu ý : ở thành phố Hồ Chí Minh, tỷ lệ đồng đều giữa các nhóm, khác với Hà Nội ở chỗ, nhóm cao nhất cũng có tỷ lệ cao nhất. Tiếp đó, thành phố Cần Thơ, tỷ lệ này là tương đối thấp. Vì sao ?

Có một cách giải thích rằng, do độ rủi ro của guồng máy kinh tế thị trường cao, vì thế người ta dễ cầu viện đến các thế lực siêu nhiên. Song, Cần Thơ là nơi có kinh tế thị trường phát triển hơn Hải Dương, tỷ lệ thấp hương hoặc đi lễ nhà thờ lại chỉ bằng một phần ba ?

Một cách giải thích khác cho rằng, do sự xác tín bị giảm sút đối với một niềm tin ngỡ như rất vững chắc kéo dài trong nhiều thập kỷ khiến người ta phải cân bằng lại chỗ trống trong đời sống tâm linh.

Dù cách giải thích nào thì với những hiện tượng có liên quan đến đời sống tâm linh của đông đảo cư dân đô thị - tỷ lệ này còn cao hơn cả nông thôn - đều khiến chúng ta phải suy nghĩ để có những định hướng đúng trong việc thỏa mãn nhu cầu đời sống tinh thần của cư dân đô thị. Tôn trọng con người, không thể không tôn trọng đời sống tâm linh của họ. Nhưng tôn trọng không đồng nghĩa với phó mặc khi mà chúng ta đều hiểu rõ niềm tin lành mạnh có một ý nghĩa lớn lao như thế nào trong định hướng phát triển của một xã hội.

Một điều đáng lưu ý là tỷ lệ người thấp hương ngày rằm mừng một hoặc đi nhà thờ vào ngày chủ nhật cao và rất cao không làm cản trở đến tích cực xã hội. Trên 50% với các tỉnh phía Nam và trên 40% với các tỉnh phía Bắc ở bất kỳ nhóm thu nhập nào cũng có mong muốn đóng góp vào công việc chung.

Nét ưu trội của tính cộng đồng trong truyền thống văn hóa Việt Nam vẫn tương thích với sự phát triển kinh tế thị trường, trong đó, tự do cá nhân là một đòi hỏi cần được tôn trọng và phát huy.

Điều đáng suy ngẫm lại là : tính tích cực xã hội ấy có tỷ lệ cao hơn chút ít ở phía Nam : 50% so với 40% ở phía Bắc !

2.7 Các chỉ báo về kích thước hộ gia đình liên quan đến thu nhập

Kiểu loại gia đình và số con là những chỉ báo đặc trưng về các giá trị sâu xa và khế ổn định của các nhóm xã hội có thu nhập khác nhau trong quá trình chuyển đổi xã hội.

Đặc biệt là khi tìm hiểu sự vận động từ xã hội truyền thống sang xã hội hiện đại thì động thái dân số và kiểu loại gia đình sẽ giúp làm nổi rõ trình độ phát triển đã đạt được đến đâu và triển vọng của nó.

Điều dễ dàng nhận xét là, nhìn chung, *tất cả các gia đình có thu nhập cao và rất cao đều là kiểu loại gia đình hạt nhân hai thế hệ*. Và càng chuyển dịch về các nhóm gia đình có thu nhập thấp thì càng có xu hướng tỷ lệ gia đình nhiều thế hệ gia tăng. Kích thước các hộ gia đình của các thành phố phía Bắc nhỏ hơn đáng kể so với hộ gia đình của các thành phố ở phía Nam. Trong đó, Hà Nội tuy mức độ

đô thị hóa và trình độ kinh tế thị trường chưa cao bằng thành phố Hồ Chí Minh nhưng số người trong gia đình đã nhỏ hơn với một tỷ lệ đáng kể.

Hãy quan sát kích thước hộ gia đình.

Loại hộ gia đình :

a. Hạt nhân

	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 5	Chung	%
Hà Nội	79,3	87,1	85,7	89,7	86,7	85,7	
Hải Dương	68,8	86,7	78,6	93,1	90,3	83,3	
Đà Nẵng	69,0	87,1	78,6	89,7	93,1	83,6	
Cần Thơ	100,0	84,6	81,8	82,5	87,7	85,5	
T.p Hồ Chí Minh	77,5	82,2	83,3	82,8	82,0	81,6	

b. Mở rộng

	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 5	Chung	%
Hà Nội	20,7	12,9	14,3	10,3	13,3	14,3	
Hải Dương	31,3	13,3	21,4	06,9	09,7	16,7	
Đà Nẵng	31,0	12,9	21,4	10,3	06,9	16,4	
Cần Thơ	00,0	15,4	18,2	17,5	12,3	14,2	
T.p Hồ Chí Minh	22,5	17,8	16,7	17,2	18,0	18,4	

Số con hiện có

a. Trung bình

	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 5	Chung
Hà Nội	2,69	2,68	2,25	2,41	2,20	2,45
Hải Dương	3,56	3,50	2,82	2,29	2,52	3,07
Đà Nẵng	4,25	4,06	3,96	3,03	3,41	3,80
Cần Thơ	4,50	4,15	3,75	3,05	2,85	3,21
T.p Hồ Chí Minh	3,82	3,22	3,21	2,87	2,45	3,12

b. Dưới hoặc bằng 2 con

	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 5	Chung
Hà Nội	48,3	51,6	64,3	75,9	76,7	63,3
Hải Dương	15,6	33,3	39,3	34,5	54,8	35,3
Đà Nẵng	13,8	22,6	25,0	51,7	44,8	31,5
Cần Thơ	0,00	07,7	38,1	42,8	43,1	36,7
T.p Hồ Chí Minh	27,0	42,2	38,9	57,5	61,8	45,4

c. Ba hoặc trên 3 con

	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 5	Chung
Hà Nội	51,7	48,4	35,7	24,1	23,3	36,7
Hải Dương	84,4	66,7	60,7	65,5	45,2	64,7
Đà Nẵng	86,2	77,4	75,0	48,3	55,2	68,5
Cần Thơ	100,0	92,3	61,9	57,5	56,9	36,7
T.p Hồ Chí Minh	73,0	57,8	61,1	42,5	38,2	54,6

Phải nói rằng đây là thành quả của cả một quá trình tiến hành cuộc vận động kế hoạch hóa gia đình từ những năm 60 đến nay.

Ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh đã quan sát thấy rõ, cùng với sự gia tăng thu nhập, số người trong hộ gia đình đã giảm xuống : từ 4,45 người xuống còn 3,8 : người ở Hà Nội và từ 5,72 người xuống còn 4,61 người ở thành phố Hồ Chí Minh. Ở các thành phố khác cũng đã có tình hình đó nhưng không được nhất quán bằng Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

Kiểu loại gia đình và số người trong hộ gia đình có liên quan đến một vấn đề hết sức quan trọng là *số con người ta có*.

Tỷ lệ gia đình hạt nhân nằm ở mức 80% đối với tất cả các đô thị tiến hành nghiên cứu.

Số con trung bình ở các gia đình thuộc nhóm có thu nhập cao nhất ở Hà Nội là 2,2 con và thuộc nhóm có thu nhập thấp nhất là 2,69 con. *Nếu đối chiếu với số trung bình 3 con, một chuẩn mực rất bền vững của đồng bằng Bắc Bộ thì tỷ lệ nói trên là một bước tiến rất dài.* Trong đó, số hộ gia đình có từ 2 con trở xuống ở Hà Nội đã đạt được tỷ lệ 76,7% ở nhóm có thu nhập cao nhất và 48,3% ở nhóm có thu nhập thấp nhất.

Ở thành phố Hồ Chí Minh, số con trung bình ở các gia đình thuộc nhóm có thu nhập cao nhất là 2,45 con, không cao hơn bao nhiêu so với Hà Nội ở diện tương ứng, nhưng ở các hộ gia đình thuộc nhóm thấp nhất thì số con trung bình của hộ gia đình là cao hơn đáng kể so với Hà Nội ở diện tương ứng : 3,82 con [Hà Nội là 2,69 con]. Tỷ lệ gia đình có từ 2 con trở xuống tại thành phố Hồ Chí Minh ở nhóm có thu nhập cao nhất là 61,8% [Hà Nội : 76,7%] và ở nhóm có thu nhập thấp nhất là 27% [Hà Nội : 48,3%].

Nếu so sánh Hải Dương, nơi trình độ phát triển của kinh tế thị trường và tính chất đô thị hóa chưa bằng Đà Nẵng và Cần Thơ thì tỷ lệ số con trung bình của các gia đình hiện có là tương đối thấp, còn tỷ lệ hộ gia đình có từ 2 con trở xuống lại tương đối cao hơn nhiều so với hai thành phố trên.

Ngoài lý do về những thành tựu của cuộc vận động thực hiện kế hoạch hóa gia đình, bình quân ruộng đất thấp cũng là một áp lực đối với chuẩn mực tái sinh sản của cư dân Hải Dương

Do vậy, nhìn chung, cũng như kiểu loại gia đình, số con trung bình của các hộ gia đình ở miền Bắc thấp hơn ở miền Nam, và các khu vực đô thị phát triển hơn có số con thấp hơn trong cùng một điều kiện lịch sử tương đương [Hà Nội so với Hải Dương, thành phố Hồ Chí Minh so với Cần Thơ và Đà Nẵng].

Nếu chuẩn mực tái sinh sản luôn luôn là một trong những nét tâm lý và tập quán thâm kín nhất, sâu xa nhất và cũng bảo thủ nhất trong cuộc sống của con người thì điều có ý nghĩa nhìn nhận được ở đây là :

+ Đã quan sát thấy mối liên hệ ngược giữa số con của các gia đình hiện có và thu nhập của họ, điều này vốn chỉ là đặc trưng cho các xã hội hiện đại.

Mối liên hệ ngược đó tuy có những cấp độ khác nhau giữa các điểm đô thị được chọn để nghiên cứu, nhưng nhìn chung là *đã thể hiện khi rõ*.

+ *Đà Nẵng và Cần Thơ là những điểm khảo sát mang tính điển hình cho đô thị ở phía Nam, số con trung bình của nhóm có thu nhập cao và rất cao vẫn còn dừng ở con số 3,41 và 2,85 con. Con số này nói lên rằng, việc đạt được tiêu chuẩn mỗi gia đình chỉ có từ một đến hai con [hoặc cách nói mới ; dừng lại ở 2 con để nuôi dạy tốt] là đang còn rất khó thực hiện ở ngay đô thị chứ chưa nói gì đến nông thôn. Và nếu như trong trường hợp Đà Nẵng, số con trung bình là 3,8 thì đây cũng là một điều cần suy nghĩ sâu về chuẩn mực tái sinh sản chưa chuyển đổi được là bao, vì thế, càng có mức sống khá lên thì người ta lại muốn có nhiều con.*

2. 8 Nhận xét tổng quát về diện mạo phân tầng ở đô thị

Những nét phác thảo cảm nhận và bình luận về các chỉ báo xã hội học qua cuộc khảo sát về phân tầng xã hội ở năm điểm đô thị khác nhau từ Bắc vào Nam trên đây cũng chỉ mới nêu lên những khác biệt trong thu nhập giữa các nhóm xã hội được phân chia theo 2 cách : số thu nhập tuyệt đối và 20% quy ước theo 5 dải phân tầng. Giữa các điểm nghiên cứu ấy có sự khác nhau về quy mô của sự phát triển kinh tế thị trường, mức độ đô thị hóa, lịch sử phát triển, v.v... nhưng đều được định hướng theo một mục tiêu chung. Cùng với những khác biệt về thu nhập, đã quan sát thấy có những đường nét hiện dần lên về sự khác biệt văn hóa.

Những đường nét hiện dần lên ấy có thể phân nào đo đếm trên số liệu khảo sát, nhưng nếu chỉ dừng lại ở số liệu thì cũng chỉ có thể phác họa lên những đường nét nào đó mà thôi, *những cảm nhận của người nghiên cứu* qua rất nhiều chỉ báo khác nhau có khi gián tiếp lại khắc họa những đường nét ấy rõ hơn.

Đường nét khác biệt có thể là chưa rõ giữa hai tầng lớp [có khi chúng tôi dùng thuật ngữ nhóm xã hội] kế cận liền nhau, nhưng nếu nhìn ở những tầng lớp cách nhau tương đối xa thì sự khác biệt dễ nhận rõ hơn. Chẳng hạn như, nếu 80 sánh giữa tầng lớp có thu nhập thấp nhất trong mẫu khảo sát [quy ước là nhóm 1] với tầng lớp có thu nhập trung bình [quy ước là nhóm 3] và tầng lớp có thu nhập

cao nhất [quy ước là nhóm 5], thì cùng với sự khác biệt trong mức sống [qua thu nhập và các chỉ báo bổ sung] đi liền với những khác biệt về lối sống [qua những chỉ báo về học vấn, về tiêu dùng văn hóa, về sử dụng thời gian nhàn rỗi, về đầu tư cho sự học hành của con và về những chỉ báo có liên quan khác...]. Khái niệm *lối sống* sử dụng ở đây được lược quy vào trong nội dung hướng về một *mô hình văn hoá*, trong đó, đã quan sát được những đường nét về sự cố gắng tái tạo một cái gì đó cho thế hệ sau.

Khi nói đến sự tái tạo về văn hoá, chúng tôi nhắc lại ý đã trình bày ở phần lý luận chung "con người vốn có khả năng không đồng đều về mặt chính thể, trí tuệ và đạo đức. Có một cuộc xô số di truyền ở điểm xuất phát của sự sinh tồn của con người : những gien mà mỗi người chúng ta nhận được, đều là kết quả, theo nghĩa riêng của thuật ngữ, của một xác suất.

Vì sự không đồng đều là hiện tượng tự nhiên và đầu tiên, cho nên người ta có thể hoặc là có khuynh hướng xóa bỏ bất bình đẳng tự nhiên bằng một cố gắng xã hội, hoặc là ngược lại. có khuynh hướng tặng thưởng cho mỗi người tùy theo các phẩm chất của họ "

Sự cố gắng vun đắp cho thế hệ sau những mẫu hình mong muốn hướng tới mà hôm nay chưa thực hiện được hoặc đã thực hiện nhưng chưa thỏa mãn được cái mà người ta mong ước. Tất cả những điều đó cũng đều có thể bao hàm trong khái niệm về *lối sống*. Lưu ý đến điều này bởi lẽ tính bền vững của sự phát triển một phần nào có thể dự báo được qua phân tích về "mô hình tiêu dùng" của tầng lớp cao của xã hội mà Max Weber gọi là *lối sống*.

Hàng loạt những chỉ báo mà chúng tôi dẫn ra trong so sánh tương quan giữa các tầng lớp xã hội chính là nhằm hướng vào phân tích một khái niệm khá trừu tượng về "lối sống" nói trên. Ở đây, chúng tôi muốn nhấn mạnh đến *tính tương đối* của những kết luận được rút ra từ sự phân tích về các chỉ báo xã hội học. Tính định lượng là một trong những ưu thế của phương pháp xã hội học được vận dụng trong nghiên cứu. Nhưng tuyệt đối hóa về tính định lượng đó sẽ là một sai lầm. Những số liệu qua bảng hỏi không có giá trị tuyệt đối nếu tách riêng ra từng hộ, từng cá nhân, song vẫn đảm bảo độ tin cậy khi tính đến tương quan trong tổng thể. Từng 20% một trong dải phân tầng cho phép sử dụng những *phép tính* và *phép thử* nhằm tìm ra những so sánh khác biệt giữa các lớp phân tầng với các chỉ báo cùng loại và tính đến các mối tương quan giữa các biến số. Phép tính để tìm ra hiệu số Gini của các khu vực đặc trưng, và phép thử bằng hàm Chi - Square Pearson nhằm tìm ra độ kết dính giữa các yếu tố tuổi, học vấn, nghề nghiệp [bao hàm trong đó địa vị xã hội và quyền lực]

a . Tuổi và thu nhập

Sự phân tầng về tuổi tác là một nét đặc trưng của xã hội nông nghiệp cổ truyền. Sở dĩ có điều đó vì *kinh nghiệm* giữ một vai trò quan trọng trong sản xuất nông nghiệp lạc hậu, đời này sang đời khác kỹ thuật canh tác không mấy đổi thay, người càng nhiều tuổi càng có nhiều kinh nghiệm. Vì vậy, hiển nhiên là xã hội phải đặt người nhiều tuổi ở thứ bậc cao trong đời sống hàng ngày.

nông nghiệp lạc hậu, đời này sang đời khác kỹ thuật canh tác không mấy đổi thay, người càng nhiều tuổi càng có nhiều kinh nghiệm. Vì vậy, hiển nhiên là xã hội phải đặt người nhiều tuổi ở thứ bậc cao trong đời sống hàng ngày.

Tính cơ động xã hội thấp song mức chết lại cao, bình quân tuổi thọ thấp, do vậy trong xã hội nông nghiệp truyền thống, người cao tuổi là biểu trưng của một giá trị [*Thì* là một trong ba giá trị lớn của đời sống mà con người cầu mong : Phúc, Lộc, Thọ]

Cũng vì thế, tuổi tác là một tên do quan trọng của sự thăng tiến xã hội [sống lâu lên lão làng, trong đó có mối liên hệ chặt chẽ với thu nhập. Do vậy, độ kết dính giữa tuổi tác và thu nhập cho phép nhìn nhận về mức độ chuyển biến nào đó trong diện mạo phân tầng: Liệu sự phân tầng dựa trên tuổi tác có còn đang diễn ra không ? Kiểu loại bất bình đẳng nảy sinh do tuổi tác, người ta tuổi dù có tài năng vẫn bị xếp thứ bậc thấp sau người nhiều tuổi kém tài năng hơn có còn ngụ trị trong xã hội hiện nay không?

Điều đáng mừng là các phép thử bằng hàm Chi - Square Pearson. đều cho kết quả là : *không có độ kết dính đáng kể nào giữa tuổi tác và thu nhập*. Với quy ước là càng gần 1 thì độ kết dính càng không đáng kể và càng gần 0 thì độ kết dính là đáng kể, có các số liệu sau đây :

0.81930 ở Hà Nội

0.65787 ở Hải Dương

0.19318 ở Đà Nẵng

0.08317 ở Cần Thơ

0.67946 ở Thành phố Hồ Chí Minh

Nhận xét được rút ra từ đây là : tuổi tác không quyết định vấn đề thu nhập.

Cho dù đã quan sát thấy một bóng dáng nào đó của mối liên quan giữa tuổi tác và thu nhập ở Cần Thơ [0.08317] và ở Đà Nẵng [0.19318] nhưng rõ ràng đó là một mối liên quan mờ nhạt, chưa có cơ sở để có một nhận định cho dù là rất dè dặt về những nét dáng phân tầng cũ ở hai thành phố này. Bên cạnh đó, lại có thể hoàn toàn dựa ra một nhận xét rõ ràng rằng : sự phân tầng theo tuổi tác vốn rất độc trung trong xã hội truyền thống đã phai nhạt nhiều rồi.

Tuổi trẻ có thể vững tin ở triển vọng thăng tiến xã hội của họ nếu họ có bản lĩnh và biết giành lấy cơ hội để vươn lên trong định hướng dân giàu, nước mạnh. Mặt khác người cao tuổi vẫn có thể tìm thấy những vi thể mới trong xã hội để công hiến hết khả năng của mình nếu mình còn khả năng.

b. Học vấn và thu nhập

Học vấn vốn là một giá trị bền vững và phổ biến. “*Kẻ sĩ*” - người có học, vẫn đứng đầu thang bậc xã hội trong xã hội cổ truyền. Bước vào công cuộc xây dựng lại đất nước ta "đàng hoàng hơn, to đẹp hơn", đặc biệt là với sự nghiệp Đổi Mới, học vấn càng có ý nghĩa đối với cơ hội thăng tiến xã hội của con người.

Như đã phân tích ở trên, những tầng lớp xã hội khác nhau có những đặc điểm về mặt học vấn tiêu biểu rất khác nhau theo hướng tỷ lệ thuận : *tăng dần về trình mớ học vấn từ thấp lên cao tương ứng với các nhóm có thu nhập thấp đến cao và rất cao*. Đặc biệt là tỷ lệ có trình độ đại học và trên đại học đạt tỷ lệ cao nhất ở nhóm có thu nhập cao nhất hoặc gồm sát với nhóm đó.

Tính chung về mỗi cấp độ học vấn của các nhóm thu nhập, thử nghiệm Chi - Square Pearson về độ kết dính giữa trình độ học vấn và thu nhập, ngoại trừ thành phố Cần Thơ là hết sức rõ nét, đặc biệt là ở thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội ở cả hai cách tính, tính theo số thu nhập tuyệt đối [*1 và theo 5 dải phân tầng theo tỷ lệ đóng đều 20% một [***]

Thành phố	Significance *	Significance **
Thành phố Hồ Chí Minh	0.00000	0.00000
Hà Nội	0.00086	0.01786
Hải Dương	0.00005	0.06772
Đà Nẵng	0.06624	0.02600
Cần Thơ	0.48213	0.72186

Trường hợp thành phố Cần Thơ, chưa quan sát được tác dụng của học vấn đến thu nhập. Phải chăng đây là một nét đặc thù của một đô thị dựa vào ưu thế tự nhiên có được : đây vốn là thủ phủ của miền Tây Nam Bộ [Tây Đô]. Trong ưu thế tự nhiên do, có thể có giả thiết cho rằng, con người không phải dốc sức lằm vào trình độ học vấn đạt được để giành lấy cơ hội thăng tiến xã hội. Nhưng, cùng có một giả thiết khác phần nào mang tính lô gích hơn : nơi đây, học vấn cao bị hút dần vào thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp ngược lại, thị xã Hải Dương có độ kết dính cao giữa học vấn và thu nhập, hải chăng ở đây vốn là *đạt học*" có truyền thống từ xưa, độ kết dính này nằm trong tương quan của một đô thị đang ở trình độ kém phát triển, cần học vấn đại trà nhưng ở trình độ cao thì còn đang khan hiếm, cho nên rất thiết tha.

Trả lời câu hỏi : "nhất định phải cho con học đại học", Hải Dương có chỉ số cao nhất trong cả 5 thành phố được khảo sát [42,4% so với 40,6% của Đà Nẵng; 39,1% của Hà Nội; 35,2% của Cần Thơ và 27,7% của thành phố Hồ Chí Minh] Càng rõ nét đặc trưng này khi xem xét trả lời câu hỏi trên ở các nhóm có thu nhập trung bình, cao và rất cao : 49%; 62,% và 61,4% ở Hải Dương so với các con số tương ứng ở Hà Nội là : 37,3%; 49,1% và 64.8%; và ở thành phố Hồ Chí Minh là 29,2%; 16,2% và 15% (!) .

Nhận xét chung được rút ra từ các phép thử nói trên là : nhìn chung, học vấn có tác động đến quá trình phân tầng xã hội thông qua các độ kết dính giữa học vấn và thu nhập, tuy nhiên, tác động ấy chưa phải là *bất cứ lúc nào* và *ở đâu* cũng có ý nghĩa như nhau. Mức tác động còn tùy thuộc vào trình độ phát triển của đô thị. Ở các đô thị có trình độ phát triển cao thì khả năng tận dụng học vấn càng cao

lên, và chính ở những nơi đó đã thấy rõ yếu tố này có tác động đến diện mạo phân tầng xã hội.

c. Tính chất công việc và quyền lực, mối quan hệ giữa chúng với thu nhập và sự phân tầng xã hội.

Trước hết phải trả lời câu hỏi : tại sao lại gắn hai khái niệm *tính chất công việc* [hoặc nghề nghiệp] và *quyền lực* lại với nhau ?

Câu trả lời nằm trong cách đặt câu hỏi để thu thập thông tin trong "Bảng hỏi cá nhân" phần VI: "Nghề nghiệp và sự thăng tiến", được ước định là Modul 6 sẽ được mã hóa để đưa vào xử lý. Khái niệm quyền lực cần được hiểu như chúng tôi đã trình bày ở phần lý luận chung : "Nói chung, chúng ta hiểu quyền lực là cơ may của một người, hay của một số người, thực hiện ý chí của họ trong một hành động chung, thậm chí chống lại sự phản kháng của những người khác không tham gia vào hành động chung. Quyền lực "do kinh tế quyết định" cố nhiên không đồng nhất với quyền lực như nó tồn tại. Trái lại sự xuất hiện của quyền lực kinh tế có thể là hậu quả của quyền lực tồn tại trên cơ sở khác". Max Weber đã phân tích quyền lực kinh tế có thể thu lượm được từ sự chiếm hữu quyền lực dựa trên nền tảng khác. Địa vị xã hội hay uy tín có thể xuất phát từ quyền lực kinh tế, nhưng rõ ràng đây không là sự tất yếu

Vì những lý do trên, chúng tôi gộp các chỉ báo về tính chất công việc với quyền lực để tìm ra mối tương quan đến thu nhập và sự phân tầng xã hội. Thử nghiệm bằng hàm Chi - Square Pearson về độ kết dính giữa tính chất công việc và quyền lực với thu nhập là rất cao :

Thành phố Hồ Chí Minh	0.00000
Hà Nội :	0.00001
Đà Nẵng :	0.00010
Cần Thơ :	0.05443
Hải Dương :	0.06686

[Chú thích h : Máy tính đứng lại sau con số thứ 5]

Ở đây, nổi bật lên là các chỉ số thử nghiệm Chi - Square Pearson tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội, đặc biệt là ở Thành phố Hồ Chí Minh [trị số 0000000; tức là dưới phần mười vạn ở cả hai cách tính : theo số thu nhập tuyệt đối* và theo dải phân tầng cách đều 20% một]**.

Phải chăng, ở những thành phố đã có sự phát triển cao, hoặc tập trung cho các đầu mối kinh tế, đã tạo điều kiện để cho những ai có cơ may tìm thấy những công việc mà ở đó có thu nhập phù hợp với tay nghề mà họ có được, hoặc có cơ may chiếm lĩnh những vị trí công tác mà ở đó có thể có thu nhập cao từ nhiều nguồn khác nhau. Cũng có khi cả hai điều kiện ấy được hội tụ vào một vị thế mà họ chiếm giữ được, do vậy đã tạo cho họ có thu nhập cao.

Sẽ là thô thiển khi quan niệm quyền lực chỉ đơn giản là có một vị trí nào đó trong bộ máy Nhà nước. Nhưng cũng là quá ngây thơ để hiểu rằng, những lợi ích kinh tế không có dính dáng tới những vị thế mà người ta có được trong guồng máy quản lý của các cơ quan Nhà nước. Không phải là ngẫu nhiên và vô cớ mà người ta hăm hở đổ xô vào một số cơ quan nào đó và thờ ơ, lảng tránh một số vị trí công tác mà về danh nghĩa thì không kém phần vinh quang !

Tay nghề, tính chất công việc và vị trí quyền lực chiếm giữ trong công việc càng cao thì càng đạt được mức cao trong thu nhập. Điều này là dễ hiểu. Càng dễ hiểu hơn trong kinh tế thị trường ở những bước đi sơ khai của nó, trong đó, luật pháp chưa định hình để làm cho thị trường trở thành một thị trường luật định. Chưa cần cầu viện đến các số liệu chứng minh, chỉ bằng con mắt quan sát thường ngày cũng có thể cảm nhận được trong nhịp sống của một đô thị đang phát triển, *loại công việc gì và ở những vị thế nào* người ta có thể có thu nhập cao. Nhưng dù sao thì những con số, nêu xử lý dòng, cũng đem lại sức nặng cho những kết luận được rút ra từ sự quan sát thường nhật. Hoàn toàn lô gích khi các thử nghiệm bằng hàm Chi - Square Pearson đưa ra do kết dính cao giữa thu nhập với tính chất công việc và quyền lực, và càng rõ nổi bật ở Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội. Nếu tính đến cả ba biến số : tuổi, học vấn, tính chất công việc và quyền lực thì biến số cuối cùng này nổi rõ hơn trong độ kết dính với thu nhập.

Diện mạo phân tầng xã hội được rõ nét dần lên qua sự phân tích do kết dính giữa thu nhập với ba biến số đó ở khu vực đô thị. Quyền lực và sở hữu gắn bó chặt chẽ với nhau, một một, quyền lực mang lại sở hữu, mặt khác sở hữu tạo điều kiện để có quyền lực. Nạn tham nhũng sẽ không thể nào thanh toán được nếu không có một cơ chế vận hành luật pháp để làm cho các mối liên hệ nói trên đều có thể kiểm soát bằng pháp luật